TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 12-9-2018.
V/v tranh chấp: "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.
Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207//2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp *"ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ch, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ch, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng nhà cha mẹ của anh Ch. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ch ham mê rượu chè, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên kiếm chuyện gây sự và đánh đập chị. Đến ngày 12/7/2017 chị về sống cùng cha mẹ ruột của chị, vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có hai con là Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoài Thu, sinh năm 1996. Hai cháu đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Ch không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018 anh Nguyễn Minh Ch trình bày: Nhận thấy thống nhất với lời khai của chị M về thời gian chung sống của vợ chồng, thời gian kết hôn, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh là do chị M tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không đến Tòa án.

Về con chung: Các con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do Chnh đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kèo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Minh Ch.

Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Ch đến lần thứ hai mà anh Ch vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thời gian sống chung vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Ch ham mê rượu chè, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Ch nhiều lần để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ch đều cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều đó chứng tỏ anh Ch không có thiện Ch hòa giải hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị M. Xét hôn nhân của chị M và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Chị M xin ly hôn với anh Ch là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Hai cháu là Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoài Thu, sinh năm 1996. Đã thành niên, có khả năng lao động và đều có việc làm để tự nuôi bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Minh Ch. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Minh Ch.

2. Về nuôi con chung: Hai cháu là Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoài Thu, sinh năm 1996. Đã thành niên, có khả năng lao động và đều có việc làm để tự nuôi bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009905 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Tài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**